TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-12-2022.
V/v: "Ly hôn giữa anh P và chị X "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Xuyến.

Bà Trần Thị Hải Anh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2022 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lục Văn P ; Sinh năm: 1973*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Đ , xã Đ , huyện V , tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn:Chị Trần Thị X; Sinh năm: 1975*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Duyên Hưng, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2022 và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lục Văn P trình bày: Anh và chị Trần Thị X kết hôn vào ngày 16/9/2002, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ , huyện V , tỉnh Quảng Ninh. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 3/2003 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị X đã thực sự đổ vỡ,

không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị X.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lục Tuấn H, sinh ngày 09/12/2003. Hiện con chung đã trưởng thành lao động tự lập. Nay ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Lục Văn P vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tố đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn chị Trần Thị X không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phàng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Trần Thị X vẫn vắng mặt.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với cháu Lục Tuấn H cho thấy: Theo mẹ X kể sau khi kết hôn khi đang mang thai cháu Tuấn H tháng thứ 4 do mâu thuẫn nên chị X đã về nhà ông bà ngoại cháu để sinh sống. Từ đó cho đến nay, không một lần nào bố P về thăm và bố mẹ cháu không sinh sống cùng nhau. Bố mẹ cháu có một mình cháu ngoài ra không có người con nào khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa anh Lục Văn P và chị Trần Thị X. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lục Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Về quyền kháng cáo: Anh Lục Văn P , chị Trần Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lục Văn P có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị Trần Thị X đã được Tòa án triệu tập hai lần nhưng vắng mặt không có lý do Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Anh Lục Văn P và chị Trần Thị X kết hôn vào ngày 16 tháng 9 năm 2002, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ , huyện V , tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 3/2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Anh chị có thời gian sống ly thân dài không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh Pxác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị X không còn; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị X . Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án chị X không có mặt. Điều đó, chứng tỏ chị không còn tha thiết với cuộc sống chung vợ chồng nữa. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa anh Pvà chị X nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lục Văn P đối với chị Trần Thị X.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là là Lục Tuấn H, sinh ngày 09/12/2003. Hiện con chung đã đủ 18 tuổi, lao động tự lập. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu sau này, chị X có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lục Văn P phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Lục Văn P, chị Trần Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Lục Văn P và chị Trần Thị X.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lục Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004740 ngày 06/10/2022.

3.Về quyền kháng cáo: Anh Lục Văn P , chị Trần Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *Chi cục THA huyện Nam Trực;*
-*UBND xã Đ , huyện V , tỉnh Quảng Ninh;*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP*

Phạm Mạnh Cường